

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2024

“V/v ly hôn giữa chị Tươi và anh Quang”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Kim An;

Ông Phạm Thế Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày tháng năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2024 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Vũ Đức Q sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Chị T và anh Q đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Đức Q tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đã được UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/10/2010. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau do tính cách, lối sống không hòa hợp; vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Hai bên gia đình đã động viên, khuyên giải để vợ

chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn tan vỡ, không thể hàn gắn nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Vũ Đức Đức A, sinh ngày 13/8/2011. Hiện con chung đang ở với anh Q. Nay ly hôn chị T nhường anh Q nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Vũ Đức Q, anh Q không có mặt ở địa phương. Tòa án đã làm thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng nhưng anh Q cũng không đến Tòa án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản của mình cho Tòa án về việc chị T xin ly hôn.

Kết quả thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã X như sau: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức Q đã được Ủy ban nhân dân xã X đăng ký kết hôn ngày 26/10/2010 là đúng. Nay chị T xin ly hôn anh Q, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày là đúng, khi ly hôn chị T nhường anh Q nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Quan điểm của địa phương do cháu Vũ Đức Đức A đang ở cùng anh Q và ông bà nội và đang đi học tại xã X nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao cháu Vũ Đức Đức A cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc là đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con chung và các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung, căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức Q.

Về con chung, đề nghị Tòa án giao cháu Vũ Đức Đức A cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung thành niên, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy

định của pháp luật; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 26/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên không tìm được tiếng nói chung. Gia đình cũng đã tác động để vợ chồng tìm giải pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả; chị T và anh Q đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Chị T xin ly hôn anh Q, anh Q không có mặt ở địa phương. Tòa án đã làm thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến của mình cho Tòa án về việc chị T xin ly hôn anh. Điều đó chứng tỏ anh Q không thiết tha mặn mà với cuộc sống chung vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã kéo dài, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức Q có 01 con chung là Vũ Đức Đức A sinh ngày 13/8/2011. Hiện con chung đang ở với anh Q và ông bà nội. Do vậy, xét cần thiết phải giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con cần buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh Q mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức Q.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Đức Đức A sinh ngày 13/8/2011 cho anh Q tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung thành niên, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ và 300.000đ án phí cấp dưỡng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã

nộp theo Biên lai thu số 0000132 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, chị **T** còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã Xuân Đài;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung